

ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ

(i) Chủ đầu tư là: *Ban Quản lý dự án xây dựng Nénh.*

(ii) Nhà thầu là:

(viii) Dự án: *Hạ tầng phòng cháy, chữa cháy các địa bàn trọng yếu.*

(xxv) Công trình chính: Thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị dự án Hạ tầng phòng cháy, chữa cháy các địa bàn trọng yếu

Điều 2. Hồ sơ hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ hợp đồng:.....

2.2. Thứ tự ưu tiên:

a) Điều kiện cụ thể, Điều kiện chung, các phụ lục của hợp đồng;

b) Biên bản hoàn thiện, biên bản thương thảo hợp đồng;

c) Hồ sơ thiết kế, chỉ dẫn kỹ thuật;

d) Thư chấp thuận E-HSĐT và trao hợp đồng;

e) Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;

f) E-HSĐT của nhà thầu; E-HSMT và các tài liệu bổ sung E-HSMT của Chủ đầu tư.

Điều 3. Các quy định chung

6. Các cách trao đổi thông tin:

- Chủ đầu tư:

+ Địa chỉ: Số 252 đường Thân Cảnh Phúc (ĐT.295B), tỉnh Bắc Ninh

+ Điện thoại: 0915719868

+ Email: minhnguyenbqlda2026@gmail.com

+ Fax:

+ Website:

- **Nhà thầu** (trường hợp là nhà thầu liên danh thì ghi đầy đủ thông tin của các thành viên trong liên danh)

+ Địa chỉ:

+ Điện thoại:

+ Email:

+ Fax:

+ Website:

Điều 5. Các yêu cầu đối với công tác cung cấp và lắp đặt thiết bị

b) Thời gian thực hiện chế độ hậu mãi là :

h) Thời gian chuyển các thiết bị lắp đặt không đạt yêu cầu khỏi công trường là 03 ngày.

Điều 6. Các yêu cầu đối với công tác thi công xây dựng công trình

l) Thời gian tiến hành nghiệm thu là: 07 ngày.

m) Thời gian tiếp tục giám sát sự vận hành của công trình là: 30 ngày.

Điều 7. Thử nghiệm, hiệu chỉnh và vận hành thử khi hoàn thành

7.1. Nghĩa vụ của Nhà thầu

Thời gian tiến hành các lần thử nghiệm khi hoàn thành là : 03 ngày.

Điều 8. Nghiệm thu của Chủ đầu tư

8.1. Nghiệm thu công trình

Thời gian phản hồi Nhà thầu là : 07 ngày.

8.4. Biên bản nghiệm thu đưa công trình vào khai thác sử dụng

Thời gian cấp Biên bản nghiệm thu đưa công trình vào khai thác sử dụng là: 14 ngày.

8.6. Hoàn trả mặt bằng

Thời hạn dọn khỏi công trường của Nhà thầu là : 03 ngày.

8.7. Chạy thử từng phần của công trình

Thời gian thông báo trước cho Nhà thầu về việc tham gia vào lần chạy thử là : 03 ngày.

Điều 9. Thời gian và tiến độ thực hiện hợp đồng

9.1. Ngày bắt đầu và hoàn thành toàn bộ công việc

- Ngày bắt đầu Công việc là :.....

- Thời gian thông báo trước cho Nhà thầu về ngày bắt đầu công việc là : 01 ngày.

- Ngày hợp đồng bắt đầu có hiệu lực là :

- Thời gian hoàn thành toàn bộ công việc là :.....

9.3. Tiến độ thực hiện công việc

- Thời gian trình tiến độ chi tiết thực hiện công việc là : 05 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

- Thời gian phản hồi cho Nhà thầu về tiến độ đề xuất là: 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị chỉ dẫn của các bên liên quan.

Điều 10. Bảo đảm thực hiện hợp đồng và bảo lãnh tiền tạm ứng

10.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng

- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là : 2,5% tương đương

- Thời gian gửi bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Chủ đầu tư là :.....

- Thời gian Nhà thầu phải gia hạn Bảo đảm thực hiện là : 07 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng của Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư hết hiệu lực, Nhà thầu sẽ phải gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng cho tới khi công việc đã được hoàn thành và mọi sai sót đã được sửa chữa xong.

b) Thời gian thanh toán nợ cho Chủ đầu tư là: 07 ngày sau khi thỏa thuận hoặc quyết định phải trả.

c) Thời gian sửa chữa sai sót là: 07 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư.

- Thời gian trả lại bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Nhà thầu là : 14 ngày sau khi cấp biên bản nghiệm thu hoàn thành và đã nhận được bảo đảm bảo hành.

10.2. Bảo lãnh tiền tạm ứng

Thời gian nộp bảo lãnh tiền tạm ứng là : 07 ngày sau khi hợp đồng có hiệu lực.

Điều 11. Giá hợp đồng, tạm ứng và thanh toán

11.1. Giá hợp đồng

a) Hợp đồng này là hợp đồng : Đơn giá cố định.

b) Giá hợp đồng gồm:

i. Bảng Việt Nam Đồng: Đồng.

Trong đó (nếu các bên có thỏa thuận tách riêng từng phần công việc):

- Phần mua sắm vật tư, thiết bị:Đồng,

- Phần thi công xây dựng công trình:Đồng.

iii. Khoản bổ sung hay giảm trừ:

11.2. Tạm ứng hợp đồng

i. Bảng Việt Nam:Đồng, tương ứng với% giá hợp đồng.

Trong đó (nếu các bên có thỏa thuận tách riêng từng phần công việc):

- Phần mua sắm vật tư, thiết bị:.....Đồng

- Phần thi công xây dựng công trình:Đồng

iii. Chi tiết của các lần tạm ứng như Phụ lục số :.....

11.3. Thanh toán

a) Đồng tiền sử dụng để thanh toán hợp đồng xây dựng là đồng tiền Việt Nam.

- Hình thức thanh toán : Chuyển khoản

b) Tiến độ thanh toán được chia làm : Chi tiết tại bước hoàn thiện hợp đồng

ii. Đối với phần mua sắm vật tư, thiết bị:

- Lần 1: Thanh toán ____% giá trị hợp đồng sau khi Nhà thầu cung cấp đến công trình thiết bị của hạng mục công trình ____ [ghi cụ thể nội dung do các bên thỏa thuận];

- Lần 2: Thanh toán ____% giá trị hợp đồng sau khi Nhà thầu cung cấp đến công trình thiết bị của hạng mục công trình ____ [ghi cụ thể nội dung do các bên thỏa thuận];

- Lần...

- Lần cuối: Thanh toán ____% giá trị hợp đồng sau khi Nhà thầu cung cấp đến công trình toàn bộ thiết bị theo hợp đồng.

iii. Đối với phần thi công xây dựng công trình:

- Lần 1: Thanh toán ____% giá hợp đồng (hoặc giá trị hạng mục hoàn thành) sau khi Nhà thầu hoàn thành hạng mục công trình ____ [ghi cụ thể tên hạng mục công trình].

- Lần 2: thanh toán ____% giá hợp đồng (hoặc giá trị hạng mục hoàn thành) sau khi Nhà thầu hoàn thành hạng mục công trình ____ [ghi cụ thể tên hạng mục công trình].

- Lần...

- Lần cuối: thanh toán ____% giá hợp đồng (hoặc toàn bộ giá trị còn lại) sau khi Nhà thầu hoàn thành các công việc và thỏa thuận theo hợp đồng.

c) Hồ sơ thanh toán : 08 bộ.

Hồ sơ thanh toán bao gồm các tài liệu chủ yếu sau :

- Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành thực tế trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư hoặc đại diện nhà tư vấn (nếu

có) và đại diện Nhà thầu (theo mẫu biên bản nghiệm thu chất lượng có ghi khối lượng);

- Bảng xác định giá trị cho những công việc chưa có đơn giá trong hợp đồng (nếu có), trong đó cần thể hiện cả khối lượng và đơn giá cho các công việc này có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư hoặc đại diện nhà tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng (nếu có) và đại diện Nhà thầu;

- Đề nghị thanh toán của Nhà thầu cần thể hiện các nội dung: Giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện Chủ đầu tư và đại diện Nhà thầu.

- Hồ sơ quản lý chất lượng giai đoạn.

d) Thời hạn thanh toán là : Chủ đầu tư sẽ chuyển hồ sơ thanh toán tới Kho bạc nhà nước trong vòng 07 ngày làm việc, kể từ ngày chủ đầu tư nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ của Nhà thầu.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ chung của Chủ đầu tư

12.1. Nhân lực của Chủ đầu tư

Thời gian thông báo về đại diện của Chủ đầu tư là : 03 ngày.

12.4. Quyết định

Thời gian thông báo về việc không thỏa mãn với quyết định của Chủ đầu tư là : 07 ngày sau khi Nhà thầu nhận được thông báo về quyết định của Chủ đầu tư.

Điều 13. Nhiệm vụ, quyền hạn của Nhà tư vấn

13.3. Chỉ dẫn của Nhà tư vấn

b) Thời gian đưa ra ý kiến bằng văn bản là : 03 ngày kể từ ngày nhận được đề nghị hoặc yêu cầu.

13.4. Thay thế Nhà tư vấn

Thời gian thông báo về việc thay thế Nhà tư vấn là : 03 ngày trước khi dự định thay thế.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ chung của Nhà thầu

14.11. Vận chuyển Hàng hóa

a) Thời gian thông báo về việc hàng hóa được vận chuyển tới công trường là : 07 ngày.

14.16. Báo cáo Tiến độ

- Tần suất lập báo cáo tiến độ là : Theo tháng.

- Số lượng báo cáo tiến độ nộp cho Nhà tư vấn là : 03 bản.

- Thời gian nộp báo cáo tiến độ thực hiện là : Thỏa thuận chi tiết tại giai đoạn hoàn thiện hợp đồng.

- Nội dung báo cáo tiến độ bao gồm: các nội dung tại phần điều kiện chung.

14.17. An ninh công trường

- Quy định về an ninh công trường bao gồm : Theo các nội dung tại phần điều kiện chung

14.20. Tài liệu hoàn công

- Số lượng hồ sơ tài liệu hoàn công là : 08 bản

Điều 15. Điều chỉnh giá và điều chỉnh hợp đồng

15.1. Điều chỉnh giá hợp đồng

Trường hợp điều chỉnh giá hợp đồng: Trường hợp điều chỉnh về tiến độ, giá trị hợp đồng đảm bảo tuân thủ quy định về Điều chỉnh hợp đồng

15.2. Điều chỉnh hợp đồng

Trường hợp điều chỉnh hợp đồng: Trường hợp điều chỉnh về tiến độ, giá trị hợp đồng đảm bảo tuân thủ quy định về Điều chỉnh hợp đồng.

Điều 16. Nhà thầu phụ

16.1. Quy định chung về nhà thầu phụ

d) Thời gian thông báo về Nhà thầu phụ là : 07 ngày trước ngày dự định bắt đầu công việc của mỗi Nhà thầu phụ.

Điều 17. Tạm ngừng, chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

17.1. Thông báo sửa chữa

- Thời gian yêu cầu Nhà thầu phải thực hiện và sửa chữa các sai sót, hỏng hóc là : 03 ngày.

17.4. Thanh toán tiền thiết bị và các vật liệu trong trường hợp tạm ngừng công việc

a) Thời gian tạm ngừng công việc là : 07 ngày kể từ khi công việc sử dụng thiết bị hoặc sự cung cấp thiết bị và/hoặc các vật liệu bị trì hoãn.

17.5. Việc tạm ngừng kéo dài quá thời gian quy định

- Thời gian thông báo chấp thuận cho Nhà thầu tiếp tục tiến hành công việc là 03 ngày kể từ khi nhận được yêu cầu.

17.7. Chấm dứt hợp đồng bởi Chủ đầu tư

b) Thời gian liên tục không thực hiện công việc theo hợp đồng là 15 ngày.

đ) Thời gian thông báo trước cho Nhà thầu là 07 ngày trước khi chấm dứt hợp đồng và trục xuất ra khỏi công trường.

17.10. Quyền chấm dứt hợp đồng của Chủ đầu tư

Thời gian có hiệu lực của việc chấm dứt hợp đồng là 07 ngày sau ngày đến sau của các thời điểm mà Nhà thầu nhận được thông báo của Chủ đầu tư hoặc Chủ đầu tư trả lại Bảo lãnh thực hiện.

Điều 18. Tạm ngừng chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu

18.1. Quyền tạm ngừng công việc của Nhà thầu

Thời gian tạm ngừng công việc là 30 ngày kể từ ngày thông báo cho Chủ đầu tư.

18.2. Chấm dứt hợp đồng bởi Nhà thầu

c) Thời gian ngừng công việc liên tục do lỗi của Chủ đầu tư là : 30 ngày

đ) Thời gian thông báo trước cho Chủ đầu tư là : 07 ngày trước khi chấm dứt hợp đồng.

Điều 19. Bảo hiểm và bảo hành công trình

19.2. Bảo hành

- Thời gian bảo hành công trình là : tối thiểu là 12 tháng kể từ khi nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng.

- Thời gian nộp Bảo đảm thực hiện bảo hành công trình là :07 ngày kể từ ngày nhận được Biên bản nghiệm thu công trình, hạng mục công trình để đưa vào sử dụng.

- Thời gian sửa chữa lỗi là : 03 ngày sau khi nhận được thông báo.

- Thời gian thanh toán cho bên thứ ba là : 07 ngày sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư.

Điều 20. Trách nhiệm đối với các sai sót

20.3. Kéo dài thêm thời hạn thông báo sai sót

- Thời gian gia hạn thông báo sai sót là :.....

20.6. Các kiểm định thêm

Thời gian thông báo yêu cầu kiểm định thêm là 03 ngày sau khi đã sửa chữa sai sót hoặc hư hỏng.

Điều 21. Thương, phạt do vi phạm hợp đồng và trách nhiệm bồi thường thiệt hại

21.1. Thương hoàn thành tốt hợp đồng

- Không áp dụng

21.2. Phạt vi phạm hợp đồng

Mức phạt hợp đồng là : Sau 07 ngày phạt 0,1% giá trị hợp đồng cho mỗi ngày chậm. Tổng giá trị phạt tối đa 12% giá trị hợp đồng vi phạm

21.5. Quyền sở hữu công nghiệp và trí tuệ

Thời gian gửi thông báo về khiếu nại là 07 ngày trước khi khiếu nại không còn hiệu lực.

Điều 22. Rủi ro và bất khả kháng

22.7. Chấm dứt hợp đồng do bất khả kháng, thanh toán, hết trách nhiệm

- Thời gian cản trở thực hiện công trình là liên tục 45 ngày hoặc tổng số thời gian là 60 ngày tổng thời gian của các lần bị cản trở.

- Thời gian có hiệu lực của việc chấm dứt hợp đồng là 07 ngày sau khi bên kia nhận được thông báo.

Điều 23. Khiếu nại và giải quyết tranh chấp

23. 1. Khiếu nại của Nhà thầu

- Thời gian thông báo về khiếu nại là 07 ngày sau khi Nhà thầu nhận thấy hoặc ý thức được sự việc hoặc trường hợp khiếu nại.

c) Thời gian gửi bản khiếu nại cuối cùng là 07 ngày sau khi hết ảnh hưởng do sự việc hoặc trường hợp gây ra.

- Thời gian trả lời khiếu nại của Chủ đầu tư là 14 ngày sau khi nhận được một khiếu nại hoặc các chi tiết hỗ trợ thêm cho khiếu nại trước đây.

23.2. Việc cử Ban xử lý tranh chấp

- Thời gian các bên sẽ cùng chỉ định ra Ban xử lý tranh chấp là 28 ngày sau ngày một bên thông báo về việc đưa tranh chấp lên Ban xử lý tranh chấp.

- Thành viên Ban xử lý tranh chấp bao gồm : Theo quy định hiện hành.

23.3. Không thỏa thuận được về Ban xử lý tranh chấp

d) Thời gian thông báo về việc chỉ định người thay thế là 07 ngày sau ngày mà thành viên duy nhất hoặc một trong ba thành viên từ chối hoặc không thể đảm nhận công việc.

23.4. Có kết luận của Ban xử lý tranh chấp

- Thời gian ra kết luận của Ban xử lý tranh chấp là 28 ngày kể từ ngày nhận được các ý kiến đề nghị xử lý tranh chấp, hoặc nhận được khoản tạm ứng.

- Thời gian thông báo việc chưa thỏa mãn kết luận của Ban xử lý tranh chấp là 07 ngày sau khi nhận được kết luận, hoặc sau khi Ban xử lý tranh chấp nhận được hồ sơ nhưng chưa ra kết luận.

- Thời gian bắt đầu hiệu lực của quyết định của Ban xử lý tranh chấp là ngày Ban xử lý tranh chấp đưa ra quyết định và không có thông báo về việc chưa thỏa mãn.

23.5. Hòa giải

Thời gian tiến hành Trọng tài phân xử là 28 ngày sau ngày kể từ khi thông báo không thỏa mãn được đưa ra bởi một bên.

23.6. Giải quyết tranh chấp tại Tòa án hoặc Trọng tài

Hình thức giải quyết tranh chấp : Trong thời hạn 28 ngày kể từ ngày các bên nhận được kết luận hòa giải, nếu một bên không chấp nhận kết luận hòa giải thì có quyền phản đối và các tranh chấp này được giải quyết tại trọng tài hoặc Tòa án theo quy định của pháp luật. Trường hợp quá thời hạn nêu trên không có bên nào phản đối kết luận hòa giải thì coi như các bên đã đồng ý với kết luận hòa giải. Khi đó, các bên phải thực hiện theo kết luận hòa giải.

Điều 24. Quyết toán và thanh lý hợp đồng

24.1. Quyết toán hợp đồng

- Thời gian trình hồ quyết toán hợp đồng là 30 ngày kể từ ngày nhận được biên bản nghiệm thu đã hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo quy định của hợp đồng.

- Số lượng hồ sơ quyết toán hợp đồng là 08 bộ.

24.3. Thanh lý hợp đồng

Thời gian tiến hành thanh lý hợp đồng là 30 ngày.

Điều 25. Hiệu lực của hợp đồng

25.1. Hợp đồng này bao gồmtrang, vàphụ lục được lập thành 08 bản bằng tiếng Việt có hiệu lực pháp lý như nhau.

- Chủ đầu tư sẽ giữ 06 bản bằng tiếng Việt.

- Nhà thầu sẽ giữ 02 bản bằng tiếng Việt

25.2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày.....tháng.....năm.... và sau khi Chủ đầu tư đã nhận được bảo đảm thực hiện hợp đồng theo khoản 1 Điều 10.

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU

(Nếu Nhà thầu là nhà thầu liên danh thì tất cả các thành viên trong liên danh đều phải ký tên và đóng dấu, nếu có)

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ghi tên, chức danh, ký tên, đóng dấu)

